

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 1, 2, 3, 4

Thẻ trăm, chục, đơn vị hoặc bộ đồ dùng toán; giấy và bút. Có thể dùng lại đồ dùng sau mỗi nhiệm vụ.

CÁCH TỔ CHỨC

Bài 1, 2, 3, 4

Làm theo dữ kiện riêng của từng nhiệm vụ; vùng kết quả để trống để em tự làm trên giấy hoặc bằng đồ dùng.

Bài 1, 2, 3, 4

Thẻ ghi 100, 10, 1 là vật thay thế có giá trị đã quy ước, không phải mỗi thẻ chỉ một vật. Khi cần, mở nhóm hoặc dùng bảng ô để kiểm.

LƯU Ý CHUNG

So giá trị theo trăm, rồi chục, rồi đơn vị; chỉ chuyển sang hàng tiếp theo nếu hàng đang xét bằng nhau.

Giữ đúng thứ tự hai vế khi viết dấu. Nhận ra hai số bằng nhau khác với chỉ chọn một số lớn hơn.

Nhóm sắp thứ tự không quá bốn số; thẻ trong đề còn theo thứ tự đầu vào, chưa có kết quả sắp.

Bài 1 · tr. 01 So sánh khi khác số trăm

Mục tiêu So hai số trong 1000 theo số trăm, kể cả số 1000.

Câu 1 · tr. 01 $236 < 415$.

LT LT1 · tr. 01 $680 < 702$ vì 6 trăm ít hơn 7 trăm; phải so hàng trăm trước.

Câu 2 · tr. 02 $908 > 780$.

Câu 3 · tr. 02 $1000 > 999$.

Câu 4 · tr. 02 Kệ A nhiều hơn; $530 > 350$ vì 5 trăm nhiều hơn 3 trăm.

Bài 2 · tr. 02 So trăm, chục rồi đơn vị

Mục tiêu So hai số có cùng số trăm bằng hàng chục, rồi hàng đơn vị nếu cần.

Câu 1 · tr. 03 $426 < 462$.

Câu 2 · tr. 03 $735 > 729$.

Câu 3 · tr. 03 $608 < 680$.

Câu 4 · tr. 03 $999 > 990$.

Bài 3 · tr. 04 Bằng nhau, chữ số 0 và các mốc số

Mục tiêu So sánh đúng khi có 0, trường hợp bằng nhau và các biên 0, 100, 1000.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · nhiệm vụ 1 · tiếp tục

Câu 1 · tr. 04 $405 < 450$.

Câu 2 · tr. 04 $700 = 700$.

Câu 3 · tr. 04 $99 < 100$.

Câu 4 · tr. 05 $0 < 1000$.

Bài 4 · tr. 05 **Chọn lớn nhất, bé nhất và sắp tối đa bốn số**

Câu 1 · tr. 05 Lớn nhất 802, bé nhất 280.

Câu 2 · tr. 05 45, 405, 450. Kiểm từng cặp đứng cạnh nhau.

Câu 3 · tr. 06 1000, 990, 909, 0. Kiểm từng cặp đứng cạnh nhau.

Câu 4 · tr. 06 305, 350, 503, 530. Kiểm từng cặp đứng cạnh nhau.

Bài 5 · tr. 06 **Ước lượng số đồ vật theo nhóm một chục**

Một nhóm mẫu 10 đồ vật cùng loại, các nhóm mới do người lớn chuẩn bị theo hướng dẫn riêng; giấy và bút.

Mỗi lượt ước lượng phải diễn ra trước khi nhóm hoặc đếm từng vật. Ghi và giữ dự đoán đầu.

Sau dự đoán, được tự nhóm đủ 10 và đếm phần rời để kiểm. Nhiệm vụ 4 dùng một nhóm đã kiểm ở nhiệm vụ 1–3.

Chuẩn bị nhóm mẫu 10 nắp và một nhóm mới 34 nắp; không ghi số 34 cho trẻ, chưa chia sẵn thành các chục.

Câu 1 · phiếu học sinh, trang 07

Dự đoán có thể khác nhau. Nhóm đã chuẩn bị có 34 vật, kiểm thành 3 nhóm 10 và 4 vật rời. Giữ cả dự đoán ban đầu và số đếm.

Chuẩn bị 58 miếng giấy cùng cỡ trong nhóm mới, cạnh mẫu 10 miếng; không cho biết tổng hoặc chia chục trước.

Câu 2 · phiếu học sinh, trang 07

Nhóm thứ hai có 58 vật, thành 5 chục và 8 vật rời. Không có một dự đoán bắt buộc hoặc ngưỡng sai số để chấm đạt.

Chuẩn bị 46 vật giống nhau ở cách xếp khác hai nhóm trước; vẫn có mẫu 10, không ghi tổng.

Câu 3 · phiếu học sinh, trang 07

Nhóm thứ ba có 46 vật, thành 4 chục và 6 vật rời. So dự đoán với số đếm, không đánh giá chỉ theo việc đoán trúng.

Câu 4 · tr. 07 Theo nhóm chọn: 34 là 3 chục 4 đơn vị; 58 là 5 chục 8 đơn vị; 46 là 4 chục 6 đơn vị. Trẻ giữ được dự đoán đầu và tự kiểm lượng.

Người lớn xem phần chuẩn bị riêng trong đáp án; không đọc tổng trước lượt ước lượng. Cho trẻ dùng mẫu một chục và kiểm sau, không bắt đoán đúng ngay.